

Số: 29 /2015/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2015

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
Số:.....16.35.....	
Ngày: 22/9/15	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP
ngày 02/3/2012 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/ 2003;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ Ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 505/TTr-SKHCN ngày 26/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

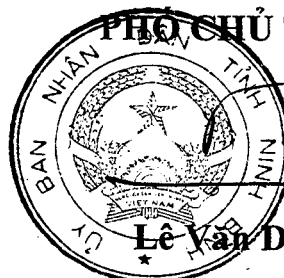
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân khác liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Công báo tỉnh; Webside tỉnh;
- Lưu: VT, VP6.

QP/09QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Dung

QUY ĐỊNH

**Chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến
ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012
của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về: Điều kiện, đối tượng được công nhận sáng kiến và thẩm quyền công nhận sáng kiến; Hội đồng sáng kiến; trình tự, thủ tục xét công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với: Các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; cơ quan, đơn vị quản lý hoạt động sáng kiến và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.
2. “Chuyển giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.
3. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.
4. “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.
5. “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

Mỗi sáng kiến chỉ công nhận tối đa 5 đồng tác giả. Những người hỗ trợ, giúp tác giả trong việc tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật gia công, chế

tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu trong quá trình tạo ra sáng kiến thì không được xem là tác giả sáng kiến.

6. "Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến" là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

7. "Sáng kiến cấp cơ sở" là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này trong phạm vi cơ sở.

8. "Sáng kiến cấp tỉnh" là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này trong phạm vi toàn tỉnh.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN VÀ THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 4. Điều kiện để công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

3. Sáng kiến đề nghị xét chọn công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở lựa chọn trong số sáng kiến cấp cơ sở và đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét.

Điều 5. Tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến

1. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;

b) Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

2. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ: nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ: nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

Điều 6. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

1. Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm:

a) Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

- Sản phẩm dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

- Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật hoặc các quy trình khác).

b) Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

- Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

c) Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

- Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

- Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

- Phương pháp huấn luyện động vật và các phương pháp khác.

d) Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 7. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan Đảng, Đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp quyết định công nhận.

2. Sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

Chương III

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 8. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do người đứng đầu cấp cơ sở ra quyết định thành lập. Cơ quan Thường trực của Hội đồng là bộ phận theo dõi, quản lý hoạt động khoa học công nghệ của đơn vị hoặc Phòng Công Thương (Phòng Kinh tế) cấp huyện.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Cơ quan Thường trực của Hội đồng là Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Thành phần Hội đồng bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận sáng kiến;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu hoặc người được giao phụ trách công tác quản lý khoa học, sáng kiến cùng cấp;

c) Thư ký Hội đồng là cán bộ được giao theo dõi công tác khoa học, sáng kiến hoặc công tác tổ chức cán bộ;

d) Thành viên Hội đồng là các nhà quản lý hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cấp xét công nhận sáng kiến.

4. Tùy theo điều kiện cụ thể của cơ quan và lĩnh vực sáng kiến, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền có thể thành lập Hội đồng sáng kiến riêng hoặc thành lập Hội đồng khoa học và sáng kiến và quyết định số lượng thành viên Hội đồng cho phù hợp.

5. Tác giả sáng kiến không được là thành phần của Hội đồng sáng kiến.

Điều 9. Nhiệm vụ Hội đồng sáng kiến

1. Tổ chức xem xét, đánh giá khách quan, trung thực và lựa chọn các giải pháp đủ điều kiện, tiêu chuẩn công nhận là sáng kiến báo cáo người có thẩm quyền xem xét quyết định công nhận sáng kiến.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo tính bảo mật các thông tin có liên quan đến sáng kiến đang được xem xét, đánh giá.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách một lĩnh vực. Hội đồng chỉ làm việc khi ít nhất có 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt và các thành viên vắng mặt gửi phiếu đánh giá sáng kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Hội đồng được thông qua với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

Điều 11. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Hồ sơ được đánh máy, trình bày rõ ràng bằng tiếng Việt, không tẩy xóa trên khổ giấy A4, theo mẫu, gồm:

- a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;
- b) Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (nếu thấy cần thiết);
- c) Đối với hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh cần phải có thêm các văn bản sau:

- Văn bản đề nghị của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.
- Biên bản đánh giá của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ, bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến;
- b) Tác giả sáng kiến hoặc các đồng tác giả sáng kiến (nếu có) và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả;
- c) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào. Nếu sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;
- d) Tên sáng kiến; lĩnh vực áp dụng; mô tả bản chất của sáng kiến; các thông tin cần được bảo mật (nếu có):
 - Tên sáng kiến: Phải thể hiện bản chất của giải pháp trong đơn;

- Lĩnh vực áp dụng: Nêu rõ lĩnh vực có thể áp dụng sáng kiến và vấn đề mà sáng kiến giải quyết;

- Mô tả sáng kiến:

+ Về nội dung: Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện giải pháp cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp; nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở thì cần nêu rõ tình trạng của giải pháp đã biết, những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm hoặc bằng hình thức khác;

+ Về khả năng áp dụng: Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào;

- Các thông tin cần được bảo mật (nếu có);

đ) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến;

e) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có);

g) Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp trong đơn theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng giải pháp lần đầu, kể cả áp dụng thử tại cơ sở theo các nội dung sau:

- So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);

- Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

3. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến lập thành 02 bộ gửi về cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cùng cấp tương ứng.

Điều 12. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở tiếp nhận hồ sơ ghi nhận vào Sổ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thời gian trả lời kết quả công nhận sáng kiến.

2. Cơ sở tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ; giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét hồ sơ theo quy định tại Điều 11 và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

c) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

2. Trước khi quyết định công nhận sáng kiến, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quyết định việc công bố công khai giải pháp (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến), tự quyết định việc tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

a) Cấp cơ sở: Do cơ sở quyết định để đảm bảo cho việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

b) Cấp tỉnh: Từ ngày 01/9 đến ngày 15/10 hàng năm.

Điều 13. Trình tự xét, công nhận sáng kiến

1. Thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận, phân loại hồ sơ, xem xét kiểm tra, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có hoạt động sáng kiến ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến. Thường trực Hội đồng sáng kiến tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến, chuẩn bị hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến trình Hội đồng sáng kiến xem xét.

3. Hội đồng sáng kiến họp xét, đánh giá các sáng kiến. Thư ký Hội đồng tổng hợp và thông qua kết quả bỏ phiếu, lập biên bản họp. Những sáng kiến xuất sắc được đề nghị xét và công nhận ở cấp cao hơn.

4. Thường trực Hội đồng sáng kiến căn cứ kết quả xét sáng kiến và hoàn chỉnh hồ sơ trình người có thẩm quyền ra quyết định công nhận sáng kiến.

Điều 14. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình hoặc cơ quan/tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Trong hai cơ quan, Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình nơi cơ sở xét công nhận sáng kiến đóng trụ sở và cơ quan, tổ chức của Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ quan nào nhận được (hoặc nhận được sớm hơn) Hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì sẽ chủ trì xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến và có thể yêu cầu cơ quan còn lại phối hợp thực hiện.

2. Việc xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến căn cứ vào hồ sơ của cơ sở công nhận sáng kiến. Hồ sơ gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;
- b) Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;
- c) Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến;
- d) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến.

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, cơ quan có thẩm quyền xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo quy định để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

Điều 15. Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Giấy chứng nhận sáng kiến được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp cho tác giả/các đồng tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (nếu tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến). Giấy chứng nhận sáng kiến có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến được một cơ sở công nhận theo Điều lệ Sáng kiến.

3. UBND tỉnh Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh.

4. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Quy định này ;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Điều 16. Kinh phí chi hoạt động sáng kiến

1. Kinh phí chi tổ chức các hoạt động sáng kiến cấp cơ sở được lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; nguồn kinh phí sự nghiệp hoặc nguồn xã hội hóa (đối với

các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Quỹ phát triển sản xuất, kinh doanh (đối với các doanh nghiệp);

2. Kinh phí chi cho tổ chức các hoạt động sáng kiến cấp tỉnh được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Việc hạch toán, quyết toán và kiểm tra các khoản chi cho hoạt động sáng kiến được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 17. Quyền, nghĩa vụ của Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 12 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, cho người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với sáng kiến được công nhận cấp tỉnh, chỉ áp dụng trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu với mức thưởng bằng 02 lần mức lương tối thiểu chung/sáng kiến.

Điều 19. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp đối tượng là sáng kiến đã được công nhận, sau đó được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập, các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ được áp dụng đối với đối tượng đó, thay thế các quy định về sáng kiến.

Điều 21. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở nhận chuyển giao sáng kiến được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức vi phạm quy định quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến, việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 22. Phổ biến sáng kiến

1. Các Sở, Ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm và các hình thức khác) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực tự ứng dụng để triển khai áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 23. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các Sở, Ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Các cơ sở công nhận sáng kiến thuộc Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có thể áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

3. Sở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trong phạm vi toàn tỉnh, có trách nhiệm triển khai các biện pháp sau đây nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến:

a) Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến để triển khai thực hiện tại địa phương;

b) Tuyên truyền, phối hợp tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, hữu quan thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến của tỉnh theo quy định;

đ) Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

e) Hướng dẫn tác giả thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

g) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

h) Xây dựng báo cáo định kỳ hàng năm gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Sở hữu trí tuệ) và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp

dụng sáng kiến tại địa phương (theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 24. Lưu trữ hồ sơ sáng kiến

Thường trực Hội đồng sáng kiến các cấp có trách nhiệm lưu trữ, quản lý hồ sơ sáng kiến để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết đơn thư, khiếu nại của các tổ chức, cá nhân. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Triển khai tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh triển khai thực hiện tốt Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Ninh Bình căn cứ Quy định này để triển khai thực hiện hoặc cụ thể hóa Quy định trong cơ quan, đơn vị, tổ chức mình cho phù hợp và có hiệu quả.

Điều 26. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy định này sẽ được xem xét đề nghị khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định về sáng kiến thì tùy theo mức độ sai phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp) xem xét, quyết định. *Mj*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Dung